

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 987/2026/DS-PT  
Ngày: 31-7-2026  
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Giúp - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 508/2026/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2026, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2026/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 484/2026/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: G, ấp E, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số H V, đường A, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: số nhà H, đường C, khu phố N, phường L, tỉnh Tây Ninh.

- hoặc Ông Trần Văn T1, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: số A ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh.

(Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2026)

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: số H ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh.

(Văn bản ủy quyền ngày 20/5/2026)

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị Hồng L là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2025, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị T do ông Trần Văn T1 đại diện trình bày:*

Ngày 19/6/2025, bà T có cho bà Phạm Thị Hồng L vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 05 ngày kể từ ngày 19/6/2025 đến ngày 23/6/2025, trả gốc và lãi một lần vào ngày 23/6/2025 và ký hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 1.001 Quyền số 02/2025TP/CC-SCC/HĐGD. Theo đó, bà T đã đưa cho bà L 500.000.000 đồng tiền mặt vào cùng ngày tại nhà của bà L địa chỉ ấp P, xã P huyện C, tỉnh Long An (nay là ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh). Tuy nhiên, đến thời hạn thì bà L không trả tiền cho bà T dù cho bà T đã đôn đốc nhắc nhở nhiều lần. Việc bà Phạm Thị Hồng L đã nhận đủ tiền vay nhưng không trả nợ cho bà T đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T

Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Hồng L phải trả cho bà Trần Thị T một lần số tiền là 538.333.333 đồng ngay khi Bản án/Quyết định của Tòa án nhân dân có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật. Trong đó:

- Số tiền nợ gốc là: 500.000.000 đồng
- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả tính từ ngày 19/6/2025 đến ngày 23/6/2025 là:  $500.000.000đ \times 1\%/30 \text{ ngày} \times 5 \text{ ngày} = 833.333 \text{ đồng}$ .
- Tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 24/6/2025 đến ngày xét xử 30/3/2026 là:  $500.000.000 \text{ Đồng} \times (10\%/12 \text{ tháng}) \times 9 \text{ tháng} = 37.500.000 \text{ đồng}$ .

*Bị đơn bà Phạm Thị Hồng L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.*

Sự việc tranh chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2026/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh đã xử:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị Quyết 326/2017/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; các Điều 357, Điều 463, 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Phạm Thị Hồng L.

Buộc bà Phạm Thị Hồng L có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị T tổng số tiền là 538.333.333 đồng, trong đó nợ gốc: 500.000.000 đồng, tiền lãi: 38.333.333 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Phạm Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.533.333 đồng. H lại cho nguyên đơn bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 12.400.000 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009156 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 20/5/2026, bị đơn bà Phạm Thị Hồng L kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Bị đơn bà Phạm Thị Hồng L do ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Do cần tiền nên bà L có hỏi bà T vay tiền. Ngày 19/6/2025, bà T và bà L có ký hợp đồng vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 05 ngày kể từ ngày 19/6/2025 đến ngày 23/6/2025, trả gốc và lãi một lần vào ngày 23/6/2025 theo hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 1.001 Quyền số 02/2025TP/CC-SCC/HĐGD. Tuy nhiên, bà T chưa giao tiền cho bà L, nhiều lần bà L liên lạc yêu cầu bà T giao tiền nhưng bà T không có tiền để cho vay. Sau đó, nhiều lần bà L liên hệ yêu cầu bà T ra phòng công chứng hủy hợp đồng vay tiền nhưng bà T không thực hiện. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

*Nguyên đơn bà Trần Thị T do ông Trần Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà T đã giao cho bà L 500.000.000 đồng tiền mặt vào cùng ngày tại nhà của bà L địa chỉ ấp P, xã P huyện C, tỉnh Long An (nay là ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh). Tuy nhiên, đến thời hạn thì bà L không trả tiền cho bà T dù cho bà T đã đôn đốc nhắc nhở nhiều lần nên bà T mới khởi kiện tại Tòa án, trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm bà L cố tình không đến. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án đối với kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Hồng L và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng:

Bà T khởi kiện và cung cấp chứng cứ là “Hợp đồng vay tiền” ngày 19/6/2025 (BL 21-23) giữa bà Trần Thị T và bà Phạm Thị Hồng L được công chứng tại Văn phòng C. Hợp đồng vay tiền thể hiện nội dung: bà T cho bà L vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 ngày, kể từ ngày 19/6/2025 đến hết ngày 23/6/2025, lãi suất 1%/tháng, trả gốc và lãi ngày 23/6/2025. Vì vậy có cơ sở xác định, bà L có vay của bà T số tiền 500.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi: theo hợp đồng vay tiền ngày 19/6/2025, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng từ ngày 19/6/2025 đến ngày 23/6/2025, vì vậy bà T yêu cầu tính lãi từ ngày 19/6/2025 đến ngày 23/6/2025 với mức lãi suất 1%/tháng với số tiền 833.333 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tạm tính từ ngày 24/6/2025 đến ngày xét xử 30/3/2026 là: 37.500.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bà T cho rằng từ ngày vay đến nay, bà L chưa trả tiền gốc và lãi cho bà. Bà L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không đến Tòa án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà L trả cho bà T số tiền 538.333.333 đồng, bao gồm tiền vay gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 833.333 đồng, tiền lãi quá hạn 37.500.000 đồng là có cơ sở.

Bà L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Hồng L. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 57/2026/DS-ST ngày 30/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Hồng L được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị T ủy quyền cho ông Nguyễn Tuấn D, ông Trần Văn T1 nội dung ủy quyền ông D hoặc ông T1 được quyền có mặt; bị đơn bà Phạm Thị Hồng L ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ. Ông T1, ông Đ có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Nguyên đơn bà Trần Thị T yêu cầu bà Phạm Thị Hồng L trả tiền vay tổng số tiền là 538.333.333 đồng, trong đó nợ gốc: 500.000.000 đồng, tiền lãi: 38.333.333 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự còn lại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, liên quan đến nội dung kháng cáo của đương sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Hồng L, thấy rằng:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày rằng giữa bà Phạm Thị Hồng L và bà Trần Thị T có ký Hợp đồng vay tiền ngày 19/6/2025 được công chứng tại Văn phòng C, nhưng sau khi ký hợp đồng thì bà T không giao số tiền vay 500.000.000 đồng nên giữa các bên thực tế chưa phát sinh quan hệ vay tài sản. Theo bị đơn, nhiều lần bà L yêu cầu bà T giao tiền hoặc cùng đến Văn phòng công chứng để hủy hợp đồng nhưng bà T không thực hiện. Từ đó, bị đơn cho rằng mình không có nghĩa vụ trả nợ và đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, các đương sự trình bày thống nhất ngày 19/6/2025 bà Trần Thị T và bà Phạm Thị Hồng L đã ký kết Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 1001, quyển số 02/2025TP/CC-SCC/HĐGD. Theo nội dung hợp đồng, bà Phạm Thị Hồng L vay của bà Trần Thị T số tiền 500.000.000 đồng; thời hạn vay 05 ngày, kể từ ngày 19/6/2025 đến ngày 23/6/2025; lãi suất 1%/tháng; gốc và lãi được thanh toán một lần khi đến hạn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị Hồng L do ông Đ đại diện xác định chữ ký trong hợp đồng là của mình, việc giao kết hợp đồng là có thật, không bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa hay cưỡng ép. Như vậy, giao dịch vay tài sản giữa các bên được xác lập hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện.

Nội dung Hợp đồng vay không chỉ ghi nhận sự thỏa thuận về việc vay tài sản, mà còn quy định cụ thể phương thức giao nhận tiền. Tại Điều 5 của hợp đồng, các bên xác định bên cho vay giao cho bên vay bằng tiền mặt số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 19/6/2025 tại nơi cư trú của bên vay. Điều 6 quy định thời điểm, địa điểm và phương thức hoàn trả khoản vay là ngày 23/6/2025 tại nơi cư trú của bên vay. Điều 9 các bên tiếp tục cam kết toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những cam kết đó. Những nội dung này là sự xác nhận thống nhất của chính các bên tại thời điểm ký kết hợp đồng.

Theo quy định tại Điều 5 Luật Công chứng năm 2014 (Điều 6 Luật Công chứng năm 2024) quy định những tình tiết, sự kiện được ghi nhận trong văn bản công chứng có giá trị chứng cứ. Đến nay, hợp đồng vay tiền ngày 19/6/2025 không bị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ hoặc tuyên vô hiệu. Mặc dù cho rằng chưa nhận tiền vay, nhưng bị đơn không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình. Bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu thể hiện việc đã yêu cầu nguyên đơn giao tiền, yêu cầu hủy hợp đồng hoặc có khiếu nại đến Văn phòng công chứng, cơ quan có thẩm quyền về việc hợp đồng không được thực hiện.

Những lời khai này chỉ được đưa ra sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà L đều vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến, không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đưa ra quan điểm cho rằng chưa nhận tiền vay. Chỉ đến khi kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn mới đưa ra tình tiết này. Đây là tình tiết mới do bị đơn trình bày nhưng không chứng minh nên không đủ căn cứ làm thay đổi nội dung vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định bà Trần Thị T đã giao cho bà Phạm Thị Hồng L số tiền vay 500.000.000 đồng theo đúng nội dung các bên đã xác lập hợp đồng vay. Đến thời hạn ngày 23/6/2025, bà Phạm Thị Hồng L không thanh toán khoản vay theo cam kết, vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Phạm Thị Hồng L thanh toán số tiền gốc 500.000.000 đồng cho bà T là có căn cứ, đúng pháp luật.

### [3.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi:

Tại Điều 3 của Hợp đồng vay tiền ngày 19/6/2025, các bên thỏa thuận mức lãi suất là 01%/tháng, thời hạn vay 05 ngày, kể từ ngày 19/6/2025 đến hết ngày 23/6/2025 và bên vay có nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi một lần khi đến hạn. Mức lãi suất này tương đương 12%/năm, không vượt quá mức lãi suất tối đa 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đến ngày 23/6/2025, bà Phạm Thị Hồng L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo cam kết. Theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, khi đến hạn mà bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì phải thanh toán tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong thời hạn vay và đối với thời gian chậm trả, phải chịu lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nếu các bên không có thỏa thuận khác.

Đối chiếu quy định nêu trên với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tiền lãi trong hạn từ ngày 19/6/2025 đến ngày 23/6/2025 theo mức lãi suất đã thỏa thuận là 01%/tháng và yêu cầu tính tiền lãi chậm trả kể từ ngày 24/6/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/3/2026) theo mức 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Yêu cầu này hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và được hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Cụ thể, tiền lãi trong hạn được xác định như sau:

$$500.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/30 \text{ ngày} \times 05 \text{ ngày} = 833.333 \text{ đồng.}$$

Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính từ ngày 24/6/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/3/2026) là 09 tháng:

$$500.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/12 \text{ tháng} \times 09 \text{ tháng} = 37.500.000 \text{ đồng.}$$

Tổng số tiền lãi bà Phạm Thị Hồng L phải thanh toán là 38.333.333 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T về việc buộc bà L thanh toán 538.333.333 đồng, gồm nợ gốc: 500.000.000 đồng, tiền lãi: 38.333.333 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Phạm Thị Hồng L kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở chấp nhận. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Hồng L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2026/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, Điều 463, 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị Quyết 326/2017/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Phạm Thị Hồng L.

Buộc bà Phạm Thị Hồng L có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị T tổng số tiền là 538.333.333 đồng, trong đó nợ gốc: 500.000.000 đồng, tiền lãi: 38.333.333 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.533.333 đồng.

H lại cho nguyên đơn bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 12.400.000 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009156 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Phạm Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011434 ngày 22/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 7 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 7 - Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Hồng Vân**